SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG
Số: 1313 /QĐ-BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu "Mua sắm hóa chất Huyết học – Đông máu – Khí máu – Vi sinh năm 2026"
- Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế gia trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15, được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 4430/QĐ-SYT ngày 28/11/2025 của Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trưng Vương trực thuộc Sở Y tế;

Theo Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm hóa chất Huyết học – Đông máu – Khí máu – Vi sinh năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn" của Phòng Vật tư thiết bị y tế ngày 03/11/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm hóa chất Huyết học – Đông máu – Khí máu – Vi sinh năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Trưng Vương theo các nội dung sau:

1. **Danh mục gói thầu:** bao gồm **27 mặt hàng** (Phụ lục danh mục "Mua sắm hóa chất Huyết học – Đông máu – Khí máu – Vi sinh năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn đính kèm).
2. **Tổng giá trị gói thầu: 1.920.079.552 đồng** *(Số tiền bằng chữ:Một tỷ chín trăm hai mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi hai đồng).*
3. **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.
4. **Thời gian tổ chức đấu thầu:** Quý IV/2026.
5. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định.
6. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 6 tháng.
7. **Nguồn vốn:** Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, các văn bản của nhà nước về đấu thầu và nội dung được phê duyệt tại **Điều 1** của Quyết định này.

Điều 3: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Phòng Tài chính kế toán và các khoa có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGĐ BV;
- Lưu: VT, VTTBYT (TNN/2B)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Huỳnh Ngọc Hớn

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HÓA CHẤT

Gói thầu: " Mua sắm hóa chất Huyết học - Đông máu- Khí máu - Vi sinh - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn"

(Đính kèm Quyết định số 1313/QĐ-BVTV ngày 27 tháng 11 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã HC	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng đã sử dụng	Đơn giá của QĐ 1360	Đơn giá tham khảo kết quả gần nhất trên trang Mua sắm công	Đơn giá công ty báo theo YCBG của Bệnh viện	Đơn giá dự toán	Thành tiền	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
1	Thuốc nhuộm Giemsa	Giemsa Stock Solution	HC303	S5009	Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị khoa học Việt Anh/Việt Nam	Việt Nam	500ml	lít	2	1.9	2,199,750	1,129,000		1,129,000	2,258,000	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 100mL đựng trong chai có dung tích 125mL, kích thước 100 × 60mm. Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa"
2	Chai cấy máu hiếu khí	BD BACTEC™ Plus Acrobic/F Culture Vials	HC2230	442023	Becton Dickinson Caribe, Ltd.	Mỹ	50 chai/ hộp	Chai	1,050	4,050	115,500	110,000	125,000	110,000	115,500,000	Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu. - Thành phần môi trường trong chai: 30 mL nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Cascin Digest 3.0%, Cao nấm men 0.25%, Amino axit 0.05%, Đường 0.2%, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS) 0.05%, Vitamins 0.006%, Chất oxi hóa/ Khử 0.005%, Nonionic Adsorbing Resin 13,4%, Cationic Exchange Resin 0.9%, có bổ sung thêm CO2. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. **Cam kết hỗ trợ máy cấy máu để phát hiện nhanh vi khuẩn**
3	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	BD Phoenix™ PMIC/ID-95	HC2233	448614	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	25 Thẻ/ hộp	thẻ	350	375	240,000	240,000	240,000	240,000	84,000,000	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. -Các cơ chất hoá sinh bao gồm:4mu-bd-cellobioside, l-alanine-amc, 4mu-bd-glucoside, l-proline-amc, l-pyroglutamic acid-amc, l-phenylalanine-amc, l-tryptophan-amc, 4mu-phosphate, methionine-amc, 4mu-ad-glucoside, arginine-arginine-amc, glycine-proline-amc, 4mu-bd-glucuronide, l-leucine-amc, 4mu-n-acetyl-bd-glucosaminide, l-arginine-amc, 4mu-phosphate (with trehalose), l-histidine-amc, l-isoleucine-amc, 4mu-bd-galactoside, colistin, polymyxin b, d-gluconic acid, 3-methyl glutaric acid, d-fructose, iminodiacetic acid, alpha-ketoglutaric acid, d-mannitol, 3-methyladipic acid, thymidine, chứng huỳnh quang dương, alanine-alanine-pna, l-proline-pna, valine-alanine-pna, pnp-ad-glucoside, pnp-phosphate, beta-gentiobiose, d-sucrose, maltotriose, n-acetyl-glucosamine, d-trehalose, d-tagatose, maltose, dextrose, methyl-α-d-glucoside, urea, esculin, nitrocefin; - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides, Lincosmides , Quinolone, Tetracycline, Fusidane, Nitrofuran, Glycopeptide, Folate Antagonist. - Bảo quản ở 15 - 25°C. **Cam kết hỗ trợ máy định danh vi khuẩn**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã HC	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng đã sử dụng	Đơn giá của QĐ 1360	Đơn giá tham khảo kết quả gần nhất trên trang Mua sắm công	Đơn giá công ty báo theo YCBG của Bệnh viện	Đơn giá dự toán	Thành tiền	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
4	Canh trường kháng sinh đồ Streptococcus	BD Phoenix™ AST-S Broth	HC2332	246007	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	100 ống/hộp	Ống	40	5	31,500	31,500	35,000	31,500	1,260,000	Sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết) Casein của Pancreatic Digest, Peptones, và 29.2g Supplement; Thymidine Phosphorylase 100 IU, 80 0.1g Polysorbate. - Bảo quản ở 2 - 25°C. **.Cam kết hỗ trợ máy cấy máu để phát hiện nhanh vi khuẩn**
5	Canh trường định danh	BD Phoenix™ ID Broth	HC2231	246001	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	100 ống/ hộp.	Ống	1,100	2,800	22,830	21,740	27,000	21,740	23,914,000	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm - Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride, 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025% - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 **- Cam kết hỗ trợ máy cấy máu để phát hiện nhanh vi khuẩn.**
6	Canh trường kháng sinh đồ CHO VK GRAM ÂM VÀ VK GRAM DƯƠNG	BD Phoenix™ AST Broth	HC2236	246003	Becton, Dickinson and Company	Mỹ	100 ống/ hộp	Ống	1,300	2,400	26,790	25,510	32,000	25,510	33,163,000	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 **- Cam kết hỗ trợ máy cấy máu để phát hiện nhanh vi khuẩn.**
7	Dung dịch Calci	Calcium Chloride Solution	HC1927	ORHO37	Siemens	CHLB Đức	hộp/ 150ml	ml	300	450	25,000	24,500	25,000	24,500	7,350,000	Hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu như APTT, yếu tố VIII, IX, xét nghiệm protein C, protein S **- Cam kết hỗ trợ máy phân tích huyết học tự động.**
8	PT	Dade Innovin	HC2405	B421240	Siemens	CHLB Đức	hộp 4mlx10	ml	840	2,000	125,000	125,000	125,000	125,000	105,000,000	Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) **- Cam kết hỗ trợ máy phân tích huyết học tự động.**
9	APTT	B42191 - Dade Actin FSL Activated PTT Rea.(Lọ)	HC2000	B42191	Siemens	CHLB Đức	Hộp/ 20ml	ml	460	1,060	250,000	242,900	250,000	242,900	111,734,000	Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) **- Cam kết hỗ trợ máy phân tích huyết học tự động.**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã HC	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng đã sử dụng	Đơn giá của QĐ 1360	Đơn giá tham khảo kết quả gần nhất trên trang Mua sắm công	Đơn giá công ty báo theo YCBG của Bệnh viện	Đơn giá dự toán	Thành tiền	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
10	Cóng đo	Cuvette	HC2389	06414810	Sysmex	Nhật Bản	Hộp/ 3000 Cái	Cái	30,000	48,000	4,200	4,200	4,200	4,200	126,000,000	Cóng phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu và chứa mẫu trong chức năng kiểm tra tiền phân tích trong máy đông máu tự động đa bước sóng. **- Cam kết hỗ trợ máy phân tích huyết học tự động.**
11	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	CELLCLEAN (CL-50)	HC1987	83401621	Sysmex	Nhật Bản	Hộp/ 50ml	ml	50	50		66,000	62,000	62,000	3,100,000	Thành phần: Sodium hypochlorite 5% **- Cam kết hỗ trợ máy phân tích nước tiểu.**
12	Dung dịch rửa máy phân tích huyết học	ADVIA 120/ ADVIA 2120/ ADVIA 2120i EZ WASH	HC2392	10285021	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp 3240ml/ 2 chai x 1620 ml	hộp	32	9	9,119,984	9,120,000		9,119,984	291,839,488	Dung dịch rửa máy xét nghiệm huyết học Mục đích sử dụng: sử dụng cho quá trình rửa máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, hơn 46 thông số. Bảo quản: 15-30°C; Quy cách đóng gói: 2 x 1620 mL Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**
13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học	ADVIA 120/ADVIA 2120/ADVIA 2120i TESTpoint HIGH CONTROL	HC1988	10312291	STRECK, Inc.	Mỹ	Hộp 16ml/ 4 ống x 4 ml	Hộp	4	5.3.	6,054,000	6,054,000		6,054,000	21,189,000	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học (ABNORMAL HIGH) Mục đích sử dụng: hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bất thường 1, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, 46 thông số. Bảo quản: 2-8°C; Quy cách đóng gói: 4 x 4,0 mL Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày ở 2-8°C **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**
14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học	ADVIA 120/ADVIA 2120/ADVIA 2120i TESTpoint LOW CONTROL	HC1386	10312287	STRECK, Inc.	Mỹ	Hộp 16ml/ 4 ống x 4 ml	Hộp	4	5.3.	6,054,000	6,054,000		6,054,000	21,189,000	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học (ABNORMAL LOW) Mục đích sử dụng: hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bất thường 1, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, 46 thông số. Bảo quản: 2-8°C; Quy cách đóng gói: 4 x 4,0 mL Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày ở 2-8°C **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**
15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học	ADVIA 120/ADVIA 2120/ADVIA 2120i TESTpoint NORM CONTROL	HC1387	10312289	STRECK, Inc.	Mỹ	Hộp 16ml/ 4 ống x 4 ml	Hộp	4	5.3.	6,054,000	6,054,000		6,054,000	21,189,000	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học (NORMAL) Mục đích sử dụng: hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu, mức bình thường, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, 46 thông số. Bảo quản: 2-8°C; Quy cách đóng gói: 4 x 4,0 mL Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày ở 2-8°C **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**
16	Dung dịch ly giải xét nghiệm huyết học	ADVIA 120/ADVIA 2120/ADVIA 2120i CN-FREE CBC TIMEPAC	HC2390	10341169	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp 9875 ml	Hộp	3	18	28,626,000	28,133,875		28,133,875	84,401,625	Dung dịch ly giải xét nghiệm huyết học Mục đích sử dụng: hóa chất dạng lỏng, sử dụng trong quá trình phân tích công thức máu, bằng phương pháp đếm tế bào sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, hơn 46 thông số. Bảo quản: 15-30°C; Quy cách đóng gói: thùng 9875 mL Độ ổn định sau khi mở nắp: 45 ngày **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**
17	Dung dịch rửa và tạo dòng trong xét nghiệm huyết học	ADVIA 120/ADVIA 2120/ADVIA 2120i SHEATH/RINSE	HC2431	10312272	Fisher Diagnostics	Mỹ	hộp 20 Lit	hộp	12	46	6,070,000	6,070,000		6,070,000	72,840,000	Dung dịch tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học Mục đích sử dụng: hóa chất dạng lỏng, sử dụng để tạo dòng chảy của mẫu, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động công suất 120 mẫu/giờ, hơn 46 thông số. Bảo quản: 15-30°C; Quy cách đóng gói: thùng 20 Lit Độ ổn định sau khi mở nắp: 45 ngày **- Cam kết hỗ trợ máy huyết học.**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã HC	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng đã sử dụng	Đơn giá của QĐ 1360	Đơn giá tham khảo kết quả gần nhất trên trang Mua sắm công	Đơn giá công ty báo theo YCBG của Bệnh viện	Đơn giá dự toán	Thành tiền	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
18	Ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh hóa Nước tiểu (RIQAS Human Urine Programme)	HC2227	RQ9115	Randox Laboratories Ltd	Vương Quốc Anh	Bộ/12x10 ml	lọ	12	24	958,200	1,055,000		958,200	11,498,400	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng 25 thông số. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, có nguồn gốc từ mẫu trộn nước tiểu người, bảo quản ở nhiệt độ 2-8 oC.
19	Ngoại kiểm Miễn dịch	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Miễn Dịch (RIQAS Monthly Immunoassay Programme)	HC2449	RQ9130	Randox Laboratories Ltd	Vương Quốc Anh	Hộp/6x 5 ml	ml	15	60	408,000	475,000		408,000	6,120,000	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết thanh người. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8 oC
20	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM Ammonia/Ethanol	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Ammonia/Ethanol (RIQAS Ammonia/Ethanol Programme)	HC1975	RQ9164	Randox Laboratories Ltd	Vương Quốc Anh	Hộp/6x2 ml	lọ	6	12	1,109,167	1,284,000		1,109,167	6,655,002	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8 oC.
21	Hóa chất nội kiểm Huyết học	Nội kiểm Huyết học 3 mức độ (Haematology Control - Level 1,2,3 (Haem Cntl -Level 1,2,3))(Tinh Bộ)	HC2454	HM5162	Randox Laboratories Ltd	Vương Quốc Anh	Hộp/3x2x4,5 m	hộp	5	24	10,800,000	11,880,000		10,800,000	54,000,000	Dạng lỏng, thành phần 100% máu toàn phần từ người, bảo quản 2-8oC trong 70 ngày chưa mở nắp. Đáp ứng 45 thông số cho máy Sysmex và Mindray do 5 thành phần bạch cầu. Độ bền mở nắp tối thiểu 14 ngày 2-8oC .
22	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1	Rapid QC Complete Level 1	HC1505	10309925	Bionostics Inc.	Mỹ	30 Lọ/ Hộp (30 lọ x 2.5ml)	hộp	6	6	3,500,000	3,499,983	3,657,600	3,499,983	20,999,898	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate có chứa Na+, K+, Ca++, Cl , carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. **cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm khí máu điện giải**
23	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2	Rapid QC Complete Level 2	HC1506	10309926	Bionostics Inc.	Mỹ	30 Lọ/ Hộp (30 lọ x 2.5ml)	hộp	6	6	3,500,000	3,499,983	3,657,600	3,499,983	20,999,898	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate có chứa Na+, K+, Ca++, Cl , carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. **cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm khí máu điện giải**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã HC	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng đã sử dụng	Đơn giá của QĐ 1360	Đơn giá tham khảo kết quả gần nhất trên trang Mua sắm công	Đơn giá công ty báo theo YCBG của Bệnh viện	Đơn giá dự toán	Thành tiền	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
24	Hoá chất chạy mẫu khí máu có Lactace 750 test	RP500 Measurement Cartridge Lac 750 Test	HC2393	10491449	Siemens Healthcare Diagnostics Manufacturing Ltd	Vương quốc Anh	750 Test/ Hộp	bộ	12	14	53,500,000	53,500,000	55,908,000	53,500,000	642,000,000	Hộp hóa chất tích hợp đầy đủ các thành phần cần thiết để đo mẫu, tất cả đều được gói gọn trong một hộp đo duy nhất, có thời gian sử dụng dài — không cần đến cảm biến (điện cực) riêng lẻ, chai thuốc thử hoặc bình khí riêng biệt. Hộp đo bao gồm kim hút mẫu và cổng lấy mẫu, các cảm biến dạng phẳng đã được kiểm chứng, buồng đo CO-oximeter, dung dịch hiệu chuẩn, cùng các thành phần điện tử và chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh nhân và mẫu kiểm tra chất lượng (QC), cũng như để hiệu chuẩn thiết bị. Các cảm biến trong hộp đo có khả năng đo pH, pO2, pCO2, Na+, K+, Ca++, Cl-, glucose, lactate, hemoglobin toàn phần, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin và bilirubin sơ sinh. Hoá chất hiệu chuẩn trong hộp đo dùng để hiệu chuẩn cho các thông số: pH, pO2, pCO2, Na+, K+, Ca++, Cl-, glucose, lactate, hemoglobin toàn phần, bilirubin sơ sinh. Hộp đo hoàn toàn không cần bảo trì trong suốt thời gian sử dụng 28 ngày khi được lắp đặt trên máy: Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Kim hút mẫu: được tích hợp trên hộp hoá chất, người sử dụng không cần tiếp xúc vật lý với ống hút mẫu, hệ thống sẽ tự động hút mẫu. Thời gian lắp hộp đo: khoảng 24 phút - Các thuốc thử bao gồm: + Low Sulfite Zero Cal (LSZC): 75 mL gồm các khí (oxy, carbon dioxide, nitơ), muối (kiềm halogenua), chất đệm hữu cơ, chất xúc tác và chất hoạt động bề mặt + Reagent C: 60 mL gồm các khí (oxy, carbon dioxide, nitơ), muối (kiềm halogenua), chất đệm hữu cơ, lactate, thuốc nhuộm, chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản + 200 Cal: 230 mL gồm các loại khí (oxy, carbon dioxide, nitơ), muối (kiềm halogenua), chất đệm hữu cơ, glucose, lactate, chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản + Reference: 16 mL gồm kali clorua, bạc clorua và chất hoạt động bề mặt. **cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm khí máu điện giải**
25	Đĩa thạch chứa MT nuôi cấy vi khuẩn BA	MDL Blood Agar 9015	HC2217	H.003.010		Việt Nam	10 đĩa/hộp	Đĩa	1,550	6,100	13,650	13,335		13,335	20,669,250	Môi trường thạch máu chuẩn bị sẵn, chứa 5% máu cừu, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích 25ml ± 5% Thạch màu đỏ tươi, dùng phân biệt các kiểu tiêu huyết: α,β,g Hạn sử dụng 4 tháng Bảo quản: 2-8oC
26	Đĩa thạch chứa MT nuôi cấy vi khuẩn MC	MDL Macconkey Agar 9015	HC2221	H.004.010		Việt Nam	10 đĩa/hộp	Đĩa	1,000	2,970	9,770	15,750		9,770	9,770,000	Môi trường Macconkey agar chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích 25ml ± 5% Dùng phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae, Chứa Bile Salts và Crystallviolet giúp phân biệt giữa coliforms và vi khuẩn không lên men lactose, ức chế vi khuẩn gram dương. Hạn sử dụng 4 tháng Bảo quản: 2-8oC
27	CARBO FUSHIN	Carbon Fuchsin	HC1857	MI010ST		Việt Nam	Chai 500ml	Chai	3	3	479,997	480,060		479,997	1,439,991	Là hóa chất thành phần chính trong bộ thuốc nhuộm Zichl-Neelsen (nhuộm kháng acid - AFB), dùng để nhuộm phát hiện trực khuẩn kháng cồn kháng acid (như vi khuẩn lao Mycobacterium tuberculosis) trong các mẫu bệnh phẩm vi sinh
Tổng cộng: 27 mặt hàng															**1.920.079.552**	
															(Số tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm hai mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi hai đồng)	